

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ST
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 48/2024/DS-ST

Ngày: 19-4-2024.

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ST, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hữu Thắng.

2. Bà Nguyễn Bạch Nhạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý, thư ký Tòa án nhân dân thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ST tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lâm Văn T**, sinh năm 19XX (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A1, huyện A2, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 19XX (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B, đường B1, khóm B2, phường B3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Phan Văn P**, sinh năm 19XX.
Địa chỉ: Số C, đường C1, ấp C2, thị trấn C3, huyện C4, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền ngày 18/3/2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lâm Văn T trình bày:**

Ông Lâm Văn T có cho bà Nguyễn Ngọc H vay 150.000.000 đồng chia thành 04 lần vay như sau (Ngày 08-02-2023 âm lịch cho bà H vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, lãi suất 5%/tháng, không lập hợp đồng mà chỉ làm biên nhận; ngày 08-3-2023 âm lịch cho bà H vay 10.000.000 đồng với lãi suất 5%/tháng;

ngày 25-3-2023 âm lịch cho bà H vay 20.000.000 đồng với lãi suất 5%/tháng; ngày 05-5-2023 âm lịch cho bà H vay 20.000.000 đồng với lãi suất 5%/tháng). Ông T nhiều lần liên hệ bà H trả tiền nhưng bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Theo đơn khởi kiện ông T yêu cầu bà Nguyễn Ngọc H trả cho ông số tiền vốn 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Nhưng tại phiên hòa giải hôm nay ông T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể chỉ yêu cầu bà H trả cho ông T số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*** Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Phan Văn P trình bày:**

Vào ngày 08/02/2023 (al) bà Nguyễn Ngọc H có vay tiền của ông T số tiền là 100.000.000 đồng theo biên nhận nợ ngày 08/02/2023 (al).

Bà H đồng ý trả số tiền vốn 100.000.000 đồng cho ông T. Tuy nhiên, hiện nay bà H đang gặp khó khăn về kinh tế. Bà H xin được trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi trả dứt số tiền vốn 100.000.000 đồng.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa nguyên đơn ông Lâm Văn T thay đổi yêu cầu là rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền vốn. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa nguyên đơn ông Lâm Văn T thay đổi yêu cầu là rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền vốn. Cụ thể là chỉ yêu cầu bị đơn H trả số tiền vốn 100.000.000 đồng. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2] Nguyên đơn ông Lâm Văn T khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Ngọc H có địa chỉ: Số B, đường B1, xóm B2, phường B3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lâm Văn T và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Phan Văn P đều thừa nhận khoản tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả là số tiền phát sinh từ việc phía bị đơn nợ của nguyên đơn. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án dân sự, quan hệ pháp luật để giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố ST theo

quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn vay 100.000.000 đồng, thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại tờ tường trình đề ngày 18/3/2024 bị đơn bà Nguyễn Ngọc H thừa nhận bà H có vay số tiền là 100.000.000 đồng của nguyên đơn ông T theo biên nhận đề ngày 08/2/2023 al. Tại phiên hoà giải ngày 27/3/2024 ông P là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn H cũng thừa nhận là bị đơn H có vay số tiền là 100.000.000 đồng của ông T theo biên nhận đề ngày 08/2/2023. Từ ngày ký biên nhận nợ số tiền 100.000.000 đồng đến nay bà H chưa trả vốn cho ông T. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

Như vậy, trên thực tế giữa ông T và bà H có giao kết hợp đồng vay tài sản. Các bên tiến hành giao kết trên nguyên tắc tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, do đó hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Xét thấy bà H đã nhận tiền vay của ông T số tiền 100.000.000 đồng nhưng đến nay chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ Luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xác định số tiền vốn vay bà H còn nợ ông T là 100.000.000 đồng.

[3] Đối với yêu cầu của bị đơn:

Tại phiên Toà, ông P là người đại diện theo uỷ quyền của bà H trình bày: Bà H đồng ý trả số tiền vốn 100.000.000 đồng cho ông T, nhưng do hiện nay gia đình bà H đang gặp khó khăn về kinh tế. Bà H xin được trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi trả dứt số tiền vốn 100.000.000 đồng, nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của bị đơn. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích, nhận định trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 91; Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ: Điều 357, Điều 463; khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lâm Văn T: Buộc bị đơn bà Nguyễn Ngọc H phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn ông Lâm Văn T số tiền vốn là 100.000.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.000.000 đồng.

Nguyên đơn ông Lâm Văn T không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Lâm Văn T số tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp là 3.750.000 đồng theo biên lai số 0001510 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Kể từ ngày ông Lâm Văn T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn bà Nguyễn Ngọc H còn phải trả lãi cho ông Lâm Văn T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền vốn chưa thanh toán.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phan Thanh Loan

